

# Công ty cổ phần Thế giới số (DGW: HOSE)



**TRUNG LẬP – Giá mục tiêu 1 năm: 28.700 đồng/cp**

**Giá cổ phiếu (ngày 3/4/2023): 29.900 đồng/cp**

**Nguyễn Trần Phương Nga**

[ngantp@ssi.com.vn](mailto:ngantp@ssi.com.vn)

+84 28 3636 3688 ext. 3050

**Ngày 03/04/2023**

**NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG**

## Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD)	209
Giá trị vốn hoá (tỷ VND)	4.904
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	167
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	91,1/27,5
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	971.681
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	1,52
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	35,75
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	25,69
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	0

## Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

## Thông tin cơ bản về công ty

Thành lập vào năm 2003, Công ty cổ phần Thế giới số (DGW) hiện là nhà phân phối ủy quyền các sản phẩm CNTT và điện thoại di động của nhiều thương hiệu như Acer, Asus, HP, Dell, Toshiba, Samsung (máy tính xách tay), Nokia, Alcatel, AOC, Ricod, Wiko và Xiaomi. Công ty đã niêm yết 23,5 triệu cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE) kể từ ngày 03/08/2015 tại mức giá tham chiếu là 52.000 đồng/cp

## Giảm kế hoạch lợi nhuận cho năm 2023

DGW đã công bố kế hoạch lợi nhuận năm 2023 giảm mạnh 49% xuống còn 400 tỷ đồng do kết quả kinh doanh 2 tháng đầu năm 2023 thấp hơn dự kiến, trong đó doanh thu máy tính xách tay và điện thoại di động giảm 40-45% so với cùng kỳ. Do kết quả kinh doanh kém khả quan trong 2 tháng đầu năm 2023 và việc siết chặt tín dụng gần đây của các công ty tài chính tiêu dùng, chúng tôi điều chỉnh giảm ước tính lợi nhuận ròng năm 2023-2024 lần lượt -40% và -32% xuống 456 tỷ đồng (-33% svck) và 585 tỷ đồng tỷ đồng (+28% svck), với dự kiến lợi nhuận ròng sẽ tăng trưởng trở lại từ Q4/2023. Các chỉ số cần theo dõi có thể là lạm phát, thất nghiệp, cũng như giải ngân khoản vay tại các công ty tài chính tiêu dùng. Bất chấp những khó khăn vĩ mô, DGW vẫn có thể bổ sung các thương hiệu mới vào danh mục sản phẩm của mình. Với P/E mục tiêu không đổi là 9x trên lợi nhuận 2023-2024, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu mới là **28.700 đồng/cp** (từ 41.600 đồng/cp), và duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu.

**Quan điểm ngắn hạn:** Theo báo cáo gần đây, chúng tôi có quan điểm kém khả quan đối với DGW trong nửa đầu năm 2023, nhưng hiện tại chúng tôi cho rằng những khó khăn có thể kéo dài ít nhất đến hết Q3/2023, điều này có thể gây thêm áp lực lên giá cổ phiếu.

	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	12.536	20.971	22.059	19.603	22.305
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	267	658	684	456	585
Tăng trưởng LN ròng (%)	63,8%	146,1%	3,9%	-33,3%	28,3%
EPS (VND)	1.638	4.031	4.193	2.793	3.584
ROE (%)	25,7%	44,7%	32,5%	17,7%	20,0%
Nợ/VCSH	0,54	0,63	0,81	0,6	0,59
Tỷ suất cổ tức (%)	1%	1%	3%	3%	3%
P/E (x)	13,8	16,7	9	10,7	8,4
P/B (x)	3,2	6,1	2,6	1,8	1,6
EV/EBITDA (x)	9,4	12,3	7,5	7,1	5,7

Nguồn: DGW, SSI Research

DGW đã điều chỉnh giảm kế hoạch kinh doanh năm 2023 cụ thể như sau:

	Kế hoạch năm 2023 cũ	Kế hoạch năm 2023 mới	% thay đổi
Doanh thu (tỷ đồng)	25.100	20.000	-20%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	787	400	-49%

Nguồn: DGW

Dựa trên cuộc trao đổi gần đây của chúng tôi với công ty, doanh thu từ máy tính xách tay và điện thoại di động của DGW giảm khoảng 40-45% svck trong 2 tháng đầu năm 2023, kể cả khi ghi nhận lợi nhuận từ iPhone 14 (chuyển từ Q4/2022 sang Q1/2023). Điều này cho thấy khách hàng trung và cao cấp đã bắt đầu cắt giảm chi tiêu trong bối cảnh kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, chúng tôi lưu ý rằng khoảng 40% doanh thu ICT và CE của các nhà bán lẻ được tài trợ bằng tín dụng (thông qua thẻ tín dụng ngân hàng hoặc các công ty tài chính tiêu dùng). Do các công ty tài chính tiêu dùng đang phải đối mặt với các vấn đề về vốn gần đây kết hợp với thị trường lao động yếu hơn, người tiêu dùng không tiếp cận được tín dụng để chi trả cho các sản phẩm điện thoại. Chúng tôi cho rằng thời điểm giải quyết các vấn đề này là chưa rõ ràng, vì vậy chúng tôi cho rằng sẽ mất nhiều thời gian hơn để tiêu dùng không thiết yếu phục hồi trở lại sau mức thấp trong nửa đầu năm 2023. Do đó, chúng tôi điều chỉnh giảm các ước tính cho điện thoại di động, máy tính xách tay và thiết bị gia dụng trong giai đoạn 2023-2024, những mặt hàng bị ảnh hưởng bởi cả nhu cầu yếu hơn và siết chặt tín dụng của các công ty tài chính tiêu dùng.

- Doanh thu **máy tính xách tay** ước tính giảm 22% svck xuống 5,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2023. Chúng tôi lưu ý rằng doanh thu máy tính xách tay cao bất thường trong Q1/2022, điều này giải thích cho mức sụt giảm mạnh doanh thu trong 2T2023. Sang năm 2024, doanh thu máy tính xách tay có thể tăng 8% svck (giá bán bình quân tăng 8% và doanh số đi ngang).
- Doanh thu **điện thoại di động** có thể đạt 8,7 nghìn tỷ đồng (-19% svck) trong năm 2023. Chúng tôi kỳ vọng DGW sẽ phân phối một thương hiệu điện thoại di động mới trong năm nay nên mức giảm doanh thu trong quý tới có thể không nhiều như trong 2 tháng đầu năm 2023. Chúng tôi ước tính doanh thu từ điện thoại di động sẽ đạt 10 nghìn tỷ đồng (+15% svck) trong năm 2024, với giá bán trung bình dự kiến tăng và sản phẩm điện thoại mới đóng góp nguyên năm. Thương hiệu điện thoại mới là thương hiệu giá rẻ, có thể phù hợp với người tiêu dùng trong bối cảnh tắt sóng 2G dần (dự kiến hoàn tất vào cuối năm 2024).
- Doanh thu **thiết bị gia dụng** có thể tăng lên 800 tỷ đồng (+44% svck) do đóng góp doanh thu cả năm từ các hợp đồng đã ký năm ngoái (Whirlpool và Joyoung, đóng góp doanh thu từ Q3/2022), nhưng vẫn thấp hơn ước tính trước đây của chúng tôi là 915 tỷ đồng. DGW hiện cũng đang xúc tiến với đối tác mới để phân phối các thiết bị nhà bếp nhỏ dưới một thương hiệu Mỹ, chi tiết chưa được công bố. Chúng tôi thận trọng dự báo doanh thu thiết bị gia dụng sẽ tăng 15% svck trong năm 2024 do chúng tôi không có nhiều thông tin chi tiết về thương hiệu mới của mảng này.

Chúng tôi giữ nguyên các ước tính trước đây đối với mảng thiết bị văn phòng và hàng tiêu dùng do các sản phẩm mảng này không bị ảnh hưởng bởi tình trạng thắt chặt tín dụng hiện đang diễn ra tại các công ty tài chính tiêu dùng.

- Doanh thu **thiết bị văn phòng** ước tính lần lượt đạt 3,75 nghìn tỷ đồng (+13% svck) và 4,5 nghìn tỷ đồng (+20% svck) trong năm 2023-2024. DGW sẽ có thể tận dụng tệp khách hàng của công ty mới mua Achison (hiện tại sở hữu 60%, báo cáo tài chính sẽ được hợp nhất từ Q1/2023), chuyên bán quần áo bảo hộ cho các khách hàng doanh nghiệp tại các khu công nghiệp ở miền Nam. DGW sẽ bán thiết bị văn phòng cho những khách hàng đó. Công ty con sẽ mở chi nhánh ở miền Bắc với dự đoán rằng các khu công nghiệp ở khu vực này sẽ mở rộng nhanh chóng trong vài năm tới, do đó sẽ hỗ trợ tăng trưởng thiết bị văn phòng bất chấp những khó khăn về kinh tế vĩ mô.

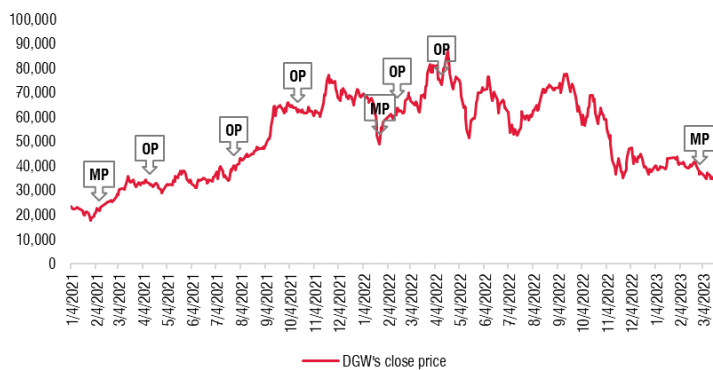
- Doanh thu **ngành hàng tiêu dùng** ước đạt 817 tỷ đồng (+106% svck) trong năm 2023 và 898 tỷ đồng (+10% svck) trong năm 2024. Công ty vừa ký hợp đồng với ABInbev để phân phối bia với các thương hiệu Budweiser, Corona, Leffe, và Becks do đó sẽ hỗ trợ tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2023.

Do chi tiêu không thiết yếu giảm, **các nhà phân phối có thể phải đưa ra các chương trình khuyến mãi hấp dẫn (ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu) để giải phóng hàng tồn kho**, do đó giảm áp lực lên dòng tiền. Các nhà phân phối thường có tỷ suất lợi nhuận rất mỏng. Trong bối cảnh đó, chi phí bán hàng & quản lý tăng trong khi doanh thu giảm, do đó tỷ suất lợi nhuận ròng sẽ giảm đáng kể trong năm 2023. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu sẽ phục hồi vào năm 2024 nhờ lãi suất thấp hơn và tín dụng cao hơn từ các công ty tài chính tiêu dùng, từ đó cải thiện tỷ suất lợi nhuận ròng.

Ước tính mới của chúng tôi cụ thể như sau:

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	12.536	20.971	22.059	19.603	22.305
Tăng trưởng doanh thu thuần	47,7%	67,3%	5,2%	-11,1%	13,8%
Lợi nhuận gộp	803	1.511	1.662	1.433	1.670
Tỷ suất LN gộp	6,4%	7,2%	7,5%	7,3%	7,5%
Thu nhập tài chính	83	180	209	187	213
Chi phí tài chính	-33	-42	-144	-160	-172
SG&A	-525	-822	-858	-886	-975
Thu nhập ròng khác	2	-2	-6	-4	-4
LN trước thuế	334	823	862	570	731
LN ròng	267	658	684	456	585
Tăng trưởng LN ròng	63,8%	146,1%	3,9%	-33,3%	28,3%
Tỷ suất LN ròng	2,1%	3,1%	3,1%	2,3%	2,6%
EPS (VND)	1.638	4.031	4.193	2.793	3.584

### Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.494	828	1.425	1.736
+ Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.834	1.579	1.431	1.628
+ Hàng tồn kho	2.843	3.254	2.726	3.095
+ Tài sản ngắn hạn khác	87	121	125	142
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>6.259</b>	<b>5.782</b>	<b>5.707</b>	<b>6.602</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	18	22	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	94	96	88	80
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	0	0	0	0
+ Đầu tư dài hạn	65	71	71	71
+ Tài sản dài hạn khác	112	384	384	399
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>289</b>	<b>573</b>	<b>543</b>	<b>550</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.548</b>	<b>6.355</b>	<b>6.250</b>	<b>7.151</b>
+ Nợ ngắn hạn	4.753	3.882	3.534	4.014
Trong đó: vay ngắn hạn	1.117	1.915	1.635	1.857
+ Nợ dài hạn	10	50	0	0
Trong đó: vay dài hạn	0	41	0	0
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.764</b>	<b>3.932</b>	<b>3.534</b>	<b>4.014</b>
+ Vốn góp	886	1.632	1.632	1.632
+ Thặng dư vốn cổ phần	61	61	61	61
+ Lợi nhuận chưa phân phối	841	707	999	1.421
+ Quý khác	-4	23	23	23
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.784</b>	<b>2.423</b>	<b>2.716</b>	<b>3.138</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>6.548</b>	<b>6.355</b>	<b>6.250</b>	<b>7.151</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	146	-1.176	1.086	257
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	15	-260	-5	-5
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	455	770	-484	59
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>616</b>	<b>-667</b>	<b>598</b>	<b>310</b>
Tiền đầu kỳ	878	1.494	828	1.425
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>1.494</b>	<b>828</b>	<b>1.425</b>	<b>1.736</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,32	1,49	1,61	1,64
Hệ số thanh toán nhanh	0,7	0,62	0,81	0,84
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,31	0,21	0,4	0,43
Nợ ròng / EBITDA	-0,36	0,39	0,94	0,19
Khả năng thanh toán lãi vay	26,81	9,7	5,36	6,25
Ngày phải thu	24,6	26,7	26,7	24
Ngày phải trả	35,5	36,3	24	22,3
Ngày tồn kho	34,4	54,6	60,1	51,5
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,27	0,38	0,43	0,44
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,73	0,62	0,57	0,56
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	2,67	1,62	1,3	1,28
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,63	0,81	0,6	0,59
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,63	0,79	0,6	0,59

Nguồn: Công ty, SSI ước tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>20.971</b>	<b>22.059</b>	<b>19.603</b>	<b>22.305</b>
Giá vốn hàng bán	-19.460	-20.397	-18.171	-20.635
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.511</b>	<b>1.662</b>	<b>1.433</b>	<b>1.670</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	180	209	187	213
Chi phí tài chính	-42	-144	-160	-172
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-708	-722	-765	-836
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-114	-136	-122	-138
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>824</b>	<b>868</b>	<b>574</b>	<b>736</b>
Thu nhập khác	-2	-6	-4	-4
Lợi nhuận trước thuế	823	862	570	731
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>658</b>	<b>684</b>	<b>456</b>	<b>585</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>657</b>	<b>684</b>	<b>456</b>	<b>585</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1	0	0	0
<b>Chỉ số tài chính</b>				
EPS cơ bản (VND)	4.031	4.193	2.793	3.584
Giá trị sổ sách (VND)	20.126	14.669	16.462	19.046
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.000	1.000	1.000	1.000
EBIT	855	962	701	871
EBITDA	860	974	713	884
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	67,3%	5,2%	-11,1%	13,8%
EBITDA	134,4%	13,2%	-26,8%	23,9%
EBIT	136,9%	12,5%	-27,1%	24,2%
Lợi nhuận ròng	146,1%	3,9%	-33,3%	28,3%
Vốn chủ sở hữu	54,0%	35,8%	12,1%	15,5%
Vốn điều lệ	105,2%	84,3%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	113,4%	-2,9%	-1,7%	14,4%
<b>Định giá</b>				
PE	16,7	9	10,7	8,4
PB	6,1	2,6	1,8	1,6
Giá/Doanh thu	0,5	0,3	0,2	0,2
Tỷ suất cổ tức	0,8%	2,6%	3,4%	3,4%
EV/EBITDA	12,3	7,5	7,1	5,7
EV/Doanh thu	0,5	0,3	0,3	0,2
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,2%	7,5%	7,3%	7,5%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	4,1%	4,4%	3,6%	3,9%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	3,1%	3,1%	2,3%	2,6%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,4%	3,3%	3,9%	3,8%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,5%	0,6%	0,6%	0,6%
ROE	44,7%	32,5%	17,7%	20,0%
ROA	13,7%	10,6%	7,2%	8,7%
ROIC	29,1%	20,9%	12,8%	14,9%

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

### Vĩ mô

#### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhthv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

tungdn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

### Phân tích cổ phiếu KHCN

#### Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

### Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

#### Nguyễn Trần Phương Nga

Chuyên viên Phân tích cao cấp

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext 3050

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715